

CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG NGƯỜI TÀI, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ QUAN LẠI TRONG SẠCH VỮNG MẠNH THỜI LÊ THÁNH TÔNG

NGUYỄN HOÀI VĂN *

Tóm tắt: Bài viết đã khảo cứu chính sách tuyển dụng, xây dựng, sử dụng đội ngũ quan lại thời Lê Thánh Tông. Trên cơ sở khuyến khích Nho học và chế độ giáo dục khoa cử Lê Thánh Tông đã đưa đất nước Đại Việt vào thế ổn định, phát triển “cực thịnh” không chỉ trong triều đại Lê Sơ mà còn là đỉnh cao của chế độ phong kiến Việt Nam trong lịch sử.

Từ khóa: Lê Thánh Tông, chính sách, người tài, quan lại.

1. Lê Thánh Tông lên ngôi kết thúc cuộc khủng hoảng triều chính dưới triều Lê Sơ

Thế kỷ XV với nhiều biến cố chính trị phức tạp, đánh dấu sự hình thành và những bước phát triển quan trọng đối với Nhà nước phong kiến thời Lê Sơ. Vào năm 1428, sau khi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh (Trung Quốc) thắng lợi, Lê Lợi - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn lên ngôi vua, tức Lê Thái Tổ, vương triều nhà Lê (Lê Sơ) được thiết lập. Thời kỳ này, nhà Lê ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh cũng như ổn định trật tự xã hội và củng cố chính quyền. Sau khi Lê Thái Tổ qua đời năm 1433, Lê Thái Tông nối ngôi. Năm 1442, Thái Tông chết đột ngột, Lê Nhân Tông kế nghiệp ngay vàng khi mới lên 2 tuổi. Thể chế chính trị cũng như bộ máy nhà nước mà Lê Thái Tổ thiết lập và duy trì suốt 30 năm bộc lộ nhiều bất cập, do việc trọng đãi các công thần mà hầu hết là những người không qua đào tạo, giao cho họ nắm giữ mọi việc quân quốc trọng sự, cho nên đã sinh ra sự đổ vỡ giữa những người nắm giữ vận

mệnh quốc gia trong triều ngày càng tăng. Tình trạng lộng hành, tranh chấp quyền lực giữa phái quân sự và dân sự trong triều, đoạt lợi và sát hại lẫn nhau trong nội bộ tầng lớp quý tộc diễn ra ngày càng gay gắt. Tệ tham ô, tham nhũng, nhận hối lộ, sách nhiễu dân ngày càng diễn ra phổ biến, pháp luật không được thực thi nghiêm minh, nhân dân bị nhiều oan sai; kinh tế không được chú trọng, đói kém, mất mùa liên tiếp xảy ra. Tất cả những điều đó đã làm cho đất nước lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.

Chính trong hoàn cảnh đó, Lê Nghi Dân con trưởng của vua Lê Thái Tông đã làm cuộc đảo chính và tự lập làm vua năm 1459. Cuộc chính biến cung đình này càng làm cho những bất ổn của vương triều Lê tăng lên. Triều đình nhà Lê tỏ ra lúng túng, bất lực trước đòi hỏi thực tế đời sống chính trị - xã hội của một đất nước đã có những chuyển biến về nhiều mặt sau hơn 30 năm phát triển trong hoà bình. Tuy

(*) PGS.TS, Viện Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nhiên, mâu thuẫn hoàng tộc, tham nhũng, hối lộ, quan lại năng lực kém... cùng với những nguyên nhân về hệ tư tưởng, thể chế chính trị và con người chính trị có nhiều bất cập, đòi hỏi nhà Lê phải có những cải cách và đổi mới để phát triển.

Năm 1460, một số quan đại thần trung thành với nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Xí, Đinh Liệt đã tiến hành đảo chính, nổi binh giết bọ tay chân của Nghi Dân rồi “giáng Nghi Dân xuống tước hầu”⁽¹⁾. Con thứ tư của Thái Tông là Bình Nguyên Vương Lê Tư Thành vừa tròn 18 tuổi được quần thần đưa lên làm vua tức vua Lê Thánh Tông. Ông là vị vua đã góp phần quan trọng nhất trong việc củng cố chế độ quân chủ quan liêu tập quyền trung ương. Trong thời Lê Thánh Tông, bộ máy nhà nước quân chủ trung ương đã phát triển tới mức cao nhất của nó, các chế độ, qui chế về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục đều được hoàn chỉnh, làm mẫu mực cho các triều đại phong kiến sau này. Lê Thánh Tông đã được các nhà sử gia phong kiến khen là “vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược, dấu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được”⁽²⁾.

Lê Thánh Tông lên ngôi vua đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của lịch sử dân tộc, ông đã dựa vào những điều kiện mới của đất nước để tiến hành hàng loạt chính sách lớn, quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, văn hoá, giáo dục. Ông đã thực hiện được một bước chuyển quan trọng có ý nghĩa tiến bộ lịch sử - từ chế độ quân chủ quý tộc sang chế

độ quân chủ quan liêu theo mô hình Nho giáo tuyệt đối - một bước phát triển mới về thể chế. Với hai niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497), Lê Thánh Tông là vị vua ở ngôi lâu nhất ở thời Lê Sơ, đã đưa đất nước Đại Việt ở nửa cuối thế kỷ XV vào thế ổn định, có kỷ cương, luật pháp và phát triển mạnh mẽ, toàn diện về mọi mặt, đạt trình độ ngang bằng với các quốc gia Âu - Á lúc bấy giờ, được coi là “cực thịnh” không chỉ trong hơn một trăm năm của triều đại Lê Sơ mà còn là đỉnh cao sự phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam.

2. Khuyến khích Nho học và chế độ giáo dục khoa cử nề nếp - cơ sở quan trọng để Lê Thánh Tông tuyển dụng quan lại, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh

Với chủ trương khuyến khích Nho học và một chế độ giáo dục khoa cử nề nếp Lê Thánh Tông đã đạt được hai mục tiêu: *thứ nhất*, tuyển chọn được những người ưu tú cho bộ máy nhà nước, thực hiện chuyển giao quyền lực từ quý tộc sang quan liêu nho sĩ; *thứ hai*, đưa được Nho giáo thâm nhập sâu vào xã hội, khẳng định rõ đây là thời kỳ Nhà nước gắn với sự cai trị của các quan văn và tuân theo những tư tưởng chính trị Nho giáo. Bản thân đội ngũ quan chức thời Hồng Đức, những người thành công trong các kỳ thi dân sự, cũng có yêu cầu tự nhiên, mong muốn xây dựng một Nhà nước trong sạch, có kỷ cương và vững mạnh theo phong cách trí thức của họ.

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 338.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ.* t.2, tr. 387.

Như vậy, trên nền tảng tư tưởng chính trị Nho giáo, chính sách đào tạo thời Lê Thánh Tông nhằm nâng cao trình độ văn hóa trong toàn xã hội nói chung, đặc biệt là những người được giao giữ các vị trí trong các cấp chính quyền, bổ sung và đổi mới đội ngũ quan lại có trình độ, năng lực ngày càng được nâng lên, thông qua đó để phát hiện, đào tạo nhân tài cho đất nước. Điều này không phải đợi đến Lê Thánh Tông, mà nhà Lê Sơ ngay khi mở đầu triều đại đã chú ý đến. Sách *Kiến văn tiểu lục* chép rằng: “Năm Mậu Thân niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428) hạ chiếu cho trong nước dựng nhà học dạy dỗ nhân tài, trong kinh có Quốc Tử Giám, bên ngoài có nhà học các phủ”. Sách *Việt sử thông giám cương mục* cũng cho biết: “Nhà nước khi mới lập quốc, để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài; trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa chọn con cháu nhà các quan và những người tuấn tú trong nhân dân sung làm giám sinh. Ngoài các lộ thì lập trường học ở từng lộ, lựa các con em những nhà lương thiện trong dân gian sung làm lộ hiệu sinh (tức học sinh trường lộ - TG), cử những nhà nho đáng làm thầy đứng ra dạy dỗ”⁽³⁾. Tuy nhiên, phải đến thời Lê Thánh Tông tư tưởng trọng dụng nhân tài mới trở thành một chủ trương lớn, được xây dựng thành chính sách và cụ thể hóa bằng những hành động cụ thể. Theo đó, việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng gắn bó chặt chẽ với sử dụng nhân tài, nhân tố quyết định đến sự tồn vong và hưng thịnh của giang sơn, xã tắc, trọng điểm chính là vào đối tượng quan chức các cấp chính quyền, nhất là đội ngũ quan chức cao cấp ở trung ương, đã có

tác dụng rất lớn trong việc làm trong sạch, vững mạnh chính quyền.

Tinh thần nhất quán của Lê Thánh Tông trong khoa cử là các vấn đề chính sự, tìm nhân tài quản lý đất nước và đề xuất các giải pháp cai trị đất nước. Ông đòi hỏi các nho sĩ phải đưa ra được kế thuật trị nước an dân. Phan Huy Chú nhận xét: “Bản triều ở đời Hồng Đức, phép dạy phép thi cũng chỉ có kinh nghĩa, tứ lục, thơ phú, đối sách. Nhưng kinh nghĩa không cứ chương nào thiên nào, cắt chương lấy nghĩa, tùy ý đặt lời, nếu không là người học rộng hiểu sâu, không cứ chương nào, không nệ thiên nào, học trò nếu không học rộng kinh nghĩa thì không làm nổi. Tứ lục, thơ phú, có khi ra ở ngoài sách, hoặc hỏi về chính sự đương thời”⁽⁴⁾. Việc trọng thi cử, trọng nhân tài Nho học đã được lưu lại bằng những tư tưởng đúng đắn trong văn bia tiến sĩ được dựng năm 1484: “Sự nghiệp trị nước lớn lao... không gì cần kíp hơn nhân tài”, “trị nước mà không lấy nhân tài làm gốc... sao có thể đạt tới chính trị phong hoá phồn vinh, văn vật điển chương đầy đủ”⁽⁵⁾.

Thời Lê Thánh Tông, trong thời gian gần 40 năm đã thường xuyên và liên tục tổ chức các kỳ thi tuyển nhân tài, cung cấp cho bộ máy quan chức nhà nước, đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của triều đình và xã hội lúc đó. Chỉ tính riêng các kỳ thi tuyển tiến sĩ tới 12 khoa thi (cả thời Lê Sơ

⁽³⁾ *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Văn sử địa, Hà Nội, t.9, tr.4.

⁽⁴⁾ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1961, t.3, tr.20 - 21.

⁽⁵⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ.* t.2, tr. 492.

là 26 khoa thi). Hầu hết số tiến sĩ tuyển chọn qua các kỳ thi này đã tham gia vào bộ máy quan chức của Nhà nước, được bổ nhiệm vào các vị trí quyền lực ở Kinh đô và ở các đạo, trấn đã cho thấy sự thịnh trị của giáo dục khoa cử cũng như vai trò của nó trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước thời đó. Sự thành thạo về lý luận kinh điển Nho giáo và môi trường xã hội lành mạnh của đất nước là điều kiện thuận lợi cho sự thành đạt của họ. Đúng như lời nhận xét của Phan Huy Chú: “Đến đời Quang Thuận, Hồng Đức vận nước tươi sáng do khoa mục xuất thân, nhân tài đầy dẫy, đủ cung cho nước dùng”⁽⁷⁾. Cùng với việc tuyển dụng nhân tài qua thi cử Nho học, Nhà nước còn thi hành nhiều chính sách, thể lệ hay phương thức nhằm đổi mới và làm trong sạch đội ngũ quan lại.

3. Những phương thức chủ yếu trong chính sách sử dụng người tài, xây dựng đội ngũ quan lại trong sạch, vững mạnh dưới thời Lê Thánh Tông

3.1. Khảo khoa để thăng, giáng quan lại

Để củng cố, đổi mới cũng như làm trong sạch đội ngũ quan lại, nhà nước thời Lê Thánh Tông đã định ra phép khảo khoa với những quy định rất cụ thể, chặt chẽ và rõ ràng. Bình luận về phép khảo khoa, Phan Huy Chú viết: “Giao cho trách nhiệm một địa phương và tính mạng của nhân dân, mà để mặc cho họ dựa dẫm lui tới, lấy dây xe mang về, thế thì không để tiếng xấu cho quan trường mà làm đau khổ cho dân, thì cũng ít thấy vậy. Cho nên chính sách yên dân chẳng gì hơn việc chấn chỉnh quan trường. Mà cách chấn chỉnh

quan trường, tất phải khảo công, để xét rõ người hơn người kém mà thăng giáng cho rõ ràng, thì liêm sỉ riêng đường, chính hoá đi khắp. Việc cốt yếu cho nước thịnh trị của bậc đế vương, không vượt qua điều ấy được”⁽⁸⁾.

Chế độ “khảo khoa” hay “khảo công” thực chất là việc đánh giá, xem xét hiệu quả công việc của quan lại theo định kỳ, theo khoa để làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ thăng, giáng, chuyển đổi cũng như thưởng, phạt, hay biếm chức. Thời Lê Thánh Tông đã duy trì khá nề nếp chế độ khảo khoa, trở thành quy chế hoàn chỉnh. Đối tượng thực hiện khảo khoa là đội ngũ quan lại các cấp. Nó được áp dụng cả đối với con cháu công thần, đã hạn chế được các nhược điểm không tránh khỏi của cách thức tuyển dụng quan chức từ con đường nhiệm tử, đảm bảo cho đội ngũ quan chức nhà nước luôn luôn trong sạch và vững mạnh. Về kỳ hạn, tháng 12 Hồng Đức thứ 19 (1488), Lê Thánh Tông chính thức ban hành lệ khảo khoa, quy định rõ cứ “ba năm tiến hành một lần sơ khảo, sáu năm thì tái khảo và chín năm thì thông khảo mới thi hành thăng chức người có công và truất chức kẻ có tội”⁽⁹⁾.

Nội dung khảo khoa là xét duyệt định kỳ những công trạng, thành tích và tinh thần trách nhiệm của quan lại, phân loại chất lượng quan chức, từ đó mà quyết định các hình thức, mức độ thưởng phạt, thăng giáng, chuyển đổi hoặc thậm chí bãi

⁽⁷⁾ Phan Huy Chú, *Sđđ.*, Hà Nội, 1961, t.3, tr.5.

⁽⁸⁾ Phan Huy Chú, *Sđđ.*, Hà Nội, 1992, t.1, tr.589.

⁽⁹⁾ Viện Sử học, *Lê triều quan chế*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.109.

nhiệm. Lê Thánh Tông định lệ khảo khoá quan lại nơi cai quản: “Trưởng quan các nha môn trong ngoài khi khảo khoá các quan viên trong phạm vi cai quản thì phải xét kỹ thành tích trong công việc mà viên đó đã làm. Nếu quả có lòng chăm nom, yêu thương, được nhân dân yêu mến và trong nơi cai quản ít kẻ trốn tránh thì mới xứng chức. Nếu vợ vét quấy nhiễu, gây tệ riêng tư và trong nơi cai quản có nhiều người trốn tránh thì không xứng chức”⁽¹⁰⁾. Như vậy, công việc khảo khoá do các trưởng quan phụ trách ty, viện thực hiện nhằm nhận xét, đánh giá với các quan lại dưới quyền theo 3 nội dung: *một là*, có được nhân dân yêu mến hay không; *hai là*, có lòng thương yêu nhân dân hay không; *ba là*, trong hạt, nhân dân có trốn đi nơi khác không. Tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá quan lại là năng lực hoạt động thực tiễn, là mức độ hoàn thành, là “thành tích trong công việc” được giao. Hơn nữa, lấy thước đo hiệu quả quản lý bằng lòng dân, đây là nét tiến bộ lớn của nền hành chính thời Hồng Đức.

Phép khảo khoá có một vai trò rất quan trọng trong việc quản lý và giám sát các quan lại. Đặt ra phép khảo khoá, Lê Thánh Tông không có mục đích nào khác là để “phân biệt người hay kẻ dở, nâng cao hiệu quả trị nước”⁽¹¹⁾. Trên cơ sở khảo khoá với những tiêu chí khá cụ thể về năng lực, phẩm chất để thăng thưởng, giáng chức chuyển đổi quan lại. Năm 1478, Lê Thánh Tông sắc chỉ cho ba ty Đô, Thừa, Hiến các xứ: “Xét quan lại trong bộ thuộc của mình, người nào liêm khiết hay tham ô, chuyên cần hay lười biếng, cùng các quan nho học

dạy dỗ nhân tài, hàng năm có người được sung cống sĩ hay không, nhiều hay ít đều ghi tên tâu lên để định việc thăng hay giáng”⁽¹²⁾. Việc khảo khoá theo niên hạn là căn cứ để thực hiện thăng, giáng như: “Lệnh sử các phủ nha, lúc mới bổ thì làm á lệnh sử, làm việc 3 năm thăng thừa lệnh sử phủ nha ấy, lại làm việc 3 năm nữa được thăng đô lại nha môn có suất thân”⁽¹³⁾. Hoặ*c* Chiếu năm 1496 quy định cụ thể: “Giám sinh, nho sinh, học sinh, án lại, lại viên các nha môn thi hội đã trúng nhiều kỳ làm việc lâu năm, biết việc, siêng năng và có quân công thì ban đầu được trao các chức Tri huyện, Tri châu, Huyện thừa, Đồng tri châu, Thủ lĩnh, Tụ ban; đủ 3 năm không phạm lỗi gì thì mới cho thực thụ; sau 6 năm không phạm lỗi thì Tri huyện, Tri châu được thăng bổ Viên ngoại lang; Huyện thừa, Đồng tri châu, Tri hạ, Điển hạ, Tụ ban được bổ các chức Tư vụ, Chủ sự, Thôi quan, Đô quan; đủ 6 lần khoá không phạm lỗi thì Viên ngoại lang, Đồng Tri phủ mới được thăng làm Tri phủ”⁽¹⁴⁾.

3.2. Chế độ luân chuyển quan lại (luân quan)

Chế độ luân chuyển quan lại, theo sử cũ có từ thời Ngô Quyền. Sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền xưng vương, những quan lại thân cận được phân phong về các địa phương cai trị. Hoạt động luân chuyển quan lại dưới thời

⁽¹⁰⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 447.

⁽¹¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 458.

⁽¹²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 471.

⁽¹³⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* Hà Nội, 1993, t.3, tr. 326.

⁽¹⁴⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 515 - 516.

Lý trở nên rõ ràng, diễn ra đa chiều hơn các thời kỳ trước đó. Việc luân chuyển có thể diễn ra đối với từng vị trí ở cấp trung ương, có thể là sự điều động từ trung ương xuống địa phương và ngược lại. Các địa phương quan trọng đều do quan lại cao cấp ở trung ương điều về, sau một khoảng thời gian lại được điều động về kinh, kèm theo đó thường là sự gia phong chức tước. Hoạt động thăng giáng diễn ra bình thường, có công được phong, có tội bị giáng, thậm chí bị cách tước hết mọi chức tước, nhưng sau đó lại vẫn có thể được phục hồi như cũ. Dưới thời Trần, việc luân chuyển quan lại diễn ra thường xuyên hơn, được thực hiện bằng các quy định cụ thể của Nhà nước. Điều này thể hiện rõ trong việc điều động, phân bổ quan lại. Đã có thể nói tới một chính sách của Nhà nước về việc điều động, luân chuyển quan lại.

Dưới thời Lê Thái Tổ, do không được kế thừa trực tiếp tổ chức bộ máy nhà nước của triều đại trước nên ngay sau khi giành được độc lập, công tác xếp đặt quan lại được tiến hành khẩn trương. Tháng 2 năm 1428, Lê Lợi ra chỉ lệnh: đại thần các lộ, huyện, trấn... đều phải dùng người tài giỏi, liêm khiết, cho phép đại thần tự cử. Đến tháng 6 cùng năm lại ra lệnh khảo xét các quan lại phân chia thành các hạng khác nhau⁽¹⁵⁾. Đến thời Lê Thánh Tông, hoạt động luân chuyển quan lại diễn ra, có quy mô rõ rệt. Nhiều công thần khai quốc vốn bị tước hết quyền lực ở thời Lê Lợi nhưng đến thời Lê Thánh Tông lại được bổ dụng trở lại: Lê Khuyên được phục chức Nhập nội thiếu úy, Tham tri Hải Tây đạo chư vệ quân sự thái giám; Lê Khiêm được

cử làm Đô áp nha tri tư bản sự... Một số quan lại cao cấp ở trung ương được điều động lên biên giới do có những hoạt động lấn đất của nhà Minh. Lê Khả được phong làm Vinh lộc đại phu ra trấn nhậm ở Lạng Sơn, coi quản toàn bộ việc quân dân. Bùi Cẩm Hồ giữ chức Ngự sử ra làm An phủ sứ Lạng Sơn. Những quan lại địa phương nếu trông coi chính sự tốt, có tài năng thì được điều động về trung ương. Nhằm tránh trường hợp quan lại cai trị lâu ở địa phương, triều đình luôn có sự điều động giữa các địa phương, áp dụng với tất cả các vị trí, dù là quan to hay quan nhỏ.

Dưới thời Lê Thánh Tông, việc luân chuyển quan lại được xác lập thành một chính sách rõ ràng. Năm Quang Thuận thứ 8 (1467), Lê Thánh Tông quy định “người nhận chức ở tại nơi biên giới xa phải đủ 9 năm mới được đổi về các huyện dưới kinh”⁽¹⁶⁾. Đến đầu năm sau (1468), *Thể lệ điều động quan lại* giữa các địa phương được sửa lại, theo đó, những quan viên nhậm chức biên cương xa xôi, nếu hoàn thành nhiệm vụ thì “đủ hạn 6 năm thì cho chuyển về nơi đất lành” còn nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì “lại phải bổ đi miền biên cương xa, đủ 6 năm nữa mới được quyết định lại”⁽¹⁷⁾. Tuy nhiên, có những vị trí với con người cụ thể, Lê Thánh Tông không cho thay đổi như quan làm giáo dục đào tạo. Vì Ông cho rằng, càng giữ chức lâu, càng có điều kiện đào tạo nhân tài. Năm 1468, Lê Thánh Tông truyền cho thượng thư Nguyễn Như Đổ:

⁽¹⁵⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr.295.

⁽¹⁶⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 242.

⁽¹⁷⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 423.

“Bọn người cố xin lấy giáo thụ làm quan huyện, thế là kẻ gian đã nảy sinh đó. Giáo thụ phải giữ chức lâu năm để đào tạo nhân tài cho có hiệu quả, thế mà giám xin đổi làm chức khác, tội ấy không nhỏ”⁽¹⁸⁾. Việc điều động quan địa phương một mặt đảm bảo chính sách đãi ngộ thỏa đáng, mặt khác cũng chú trọng luân chuyển liên tục để tránh sự cát cứ lộng hành. Như vậy, quy chế tuyển chọn, bổ dụng quan lại của Lê Thánh Tông đã thấm nhuần tư tưởng là một mặt nâng cao chất lượng quan lại, mặt khác tích cực ngăn ngừa nạn cát cứ bè cánh địa phương, nhằm tạo lập đội ngũ quan lại địa phương mạnh và tuân phục triều đình. Chính yếu tố này góp phần làm vững mạnh, trong sạch bộ máy quan lại dưới thời Lê sơ, một yếu tố góp phần vào sự hùng mạnh của quốc gia Đại Việt thời kỳ này.

3.3. *Lệ giản thải quan lại*

Quan lại nếu không đáp ứng được nhu cầu của Nhà nước, hoặc bất tài đều bị bãi. Lệ thải quan viên gồm 3 điều ban bố vào năm Hồng Đức thứ 9 (1478) chỉ rõ, quan viên nếu “hèn kém... dấn độn bỉ ổi, không làm nổi việc” thì “đều bắt phải nghỉ việc”; chọn người “có tài năng, kiến thức, quen thạo việc mà bổ vào thay”. Những quan xét người hay dở mà sai sự thực thì “Ngự sử đài, Lục khoa, Hiến ty kiểm xét hoặc tâu để trị tội”⁽¹⁹⁾.

Đồng thời qua khảo khóa cũng tạo cơ sở thải loại bớt những quan lại không có năng lực cũng như phẩm cách: “Trưởng quan theo đạo công xét kỹ những quan viên dưới quyền, giản hoặc có người hèn kém bỉ ổi không thể làm việc được giao bộ

Lại xét thực đều bất về hưu. Lại chọn người từng trải làm được có tài khí kiến thức thông thạo mà bổ thay vào”⁽²⁰⁾ - tạo ra sự năng động trong bổ dụng quan lại, người có thực tài được bổ vào chức vị không cần đợi đủ niên hạn khảo khóa. Quan phủ xét quan huyện, châu dưới quyền “nếu như có chính tính tốt thì trình 2 ty để bảo cử, bên nào tham nhũng không xứng chức cũng thực xét trình lên để làm tài liệu khảo khóa”⁽²¹⁾. Đến chức xã trưởng cũng có sự giám sát nghiêm minh: “Quan phủ huyện châu theo phép công mà phúc khám, không câu nệ là xã chính, xã sử hay xã tư cứ người nào làm việc cẩn thận chu đáo nên giữ lại, còn người nào gian tham bỉ ổi không biết chức đều tinh giản cho về, các hạng già lão ốm đau đều hoàn làm dân”⁽²²⁾.

Khi thấy bộ máy quan lại phình to, tốn kém thì vua chủ trương giảm bớt bằng cách tiến hành rà soát đội ngũ quan lại, những ai đã từng phạm tội, hối lộ, đã bị xử biếm, giáng... mà còn đang đương chức thì cho thôi việc, để triệt quan tham nhũng, cho bớt lộc. Lê Thánh Tông thực hiện chế độ nghỉ việc đối với quan lại lớn tuổi, thể hiện trong sắc chỉ ngay từ năm thứ ba sau khi lên ngôi “các quan viên văn võ làm việc đến 65 muốn nghỉ việc, các lại điển, giám sinh, nho sinh, sinh đồ tuổi từ 60 trở lên muốn về làm dân, thì đều cho người đó

⁽¹⁸⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr. 434.

⁽¹⁹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd.* t.2, tr.472.

⁽²⁰⁾ *Lê Thánh Tông - con người và sự nghiệp*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.178.

⁽²¹⁾ Phan Huy Chú, *Sđd.*, Hà Nội, 1992, t.1, tr.499.

⁽²²⁾ *Lê Thánh Tông - con người và sự nghiệp, Sđd.*, tr.178.

nộp đơn ở Lại bộ⁽²³⁾. Điều này vừa thể hiện sự đãi ngộ của triều đình, vừa tạo cơ hội để trẻ hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ quan lại.

Kết luận

Quan lại được coi là xương sống của bộ máy chính quyền nhà nước phong kiến, mà nho sĩ và khoa cử là vườn ươm của quan chức. Vì thế, triều đình thời Lê Thánh Tông đã đặc biệt quan tâm ưu đãi đối với các nho sĩ - quan chức, kể từ khi họ đỗ đạt trong các kỳ thi quốc gia tới khi họ được bổ nhiệm làm quan chức trong các cấp chính quyền trung ương hoặc địa phương. Nhà nước phong kiến thời Lê Thánh Tông, xuất phát từ nhận thức vai trò quan trọng quyết định sự thịnh suy của quốc gia là do đội ngũ quan lại tốt hay kém, đã chăm lo công tác đào tạo và thu hút, lựa chọn những người tài giỏi thông qua con đường khoa cử Nho học. Người làm quan phải có đức, tài hơn mức bình thường; chức quan càng to thì mức độ hiền tài càng lớn. Tuyển chọn quan lại được coi như là tuyển chọn nhân tài cho đất nước, là việc hệ trọng của quốc gia đã trở thành phương châm hành động của nhà Vua và các cơ quan làm công tác nhân sự của Nhà nước. Dựa trên nền hành chính phong kiến phát triển đến đỉnh cao, tổ chức và hoạt động của đội ngũ quan lại từ trung ương đến địa phương đã được quy định cụ thể, chặt chẽ thông qua hệ thống các bộ luật, các chiếu, chỉ của nhà Vua, tạo thành cơ sở pháp lý để thực hiện ổn định, nhất quán, lâu dài.

Có thể nói, dưới thời Lê Thánh Tông chế độ quan lại đã được phát triển đến

đỉnh cao bằng hệ thống luật pháp, được thực hiện thường xuyên nghiêm túc trong phạm vi toàn quốc. Tuy có quyền hành tối cao nhưng Vua không lạm quyền, áp đặt ý chí chủ quan trong xây dựng đội ngũ quan lại. Việc phát hiện, tuyển chọn, đánh giá, kiểm tra, giám sát quan lại theo tiêu chuẩn khách quan. Yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước là cơ sở quan trọng làm căn cứ đề ra chính sách, chế độ xây dựng và quản lý quan lại; không ngừng phát triển, hoàn thiện chính sách đó trong thực tiễn. Nhờ đó, Lê Thánh Tông tuyển chọn được đội ngũ quan lại có phẩm chất và năng lực, làm việc hiệu quả. Họ thực sự là những người tài giỏi, tận tâm giúp Vua trụ vững ở ngôi báu suốt 38 năm, góp phần quan trọng xây dựng đất nước Đại Việt cường thịnh. Điều mà nhiều hoàng đế trước đó và cả sau này không làm được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
2. *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Văn sử địa, Hà Nội, t.9, tr.4.
3. Viện Sử học, *Lê triều quan chế*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997.
4. *Lê Thánh Tông - con người và sự nghiệp*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1961.

⁽²³⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Sđđ*, t.2, tr.397.